

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên dự án: Mua sắm hàng hóa tặng đoàn viên Công ty TNHH Canon Việt Nam ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10
- Tên gói thầu: Mua sắm hàng hóa quà tặng
- Nguồn vốn: Ngân sách Công đoàn Công ty TNHH Canon Việt Nam
- Hình thức hợp đồng: Đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện gói thầu: 15 ngày
- Địa điểm dự án: Lô A1, Khu công nghiệp Thăng Long, xã Thiên Lộc, thành phố Hà Nội
- Thuế VAT: Giá gói thầu đang xác định thuế VAT theo quy định của Nghị định số 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu về kỹ thuật chung và yêu cầu về kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa thuộc phạm vi cung cấp của gói thầu, cụ thể:

a) Yêu cầu về kỹ thuật chung:

- **Chủng loại:** Hàng hóa có chủng loại rõ ràng, nhà thầu chịu trách nhiệm điền đầy đủ ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, năm sản xuất, hãng sản xuất của hàng hóa và các thông số kỹ thuật chi tiết của hàng hóa dự thầu. Nhà thầu không được chào hơn một ký mã hiệu/ nhãn hiệu/ hãng sản xuất cho một đơn vị hàng hóa yêu cầu; không đề xuất “tương đương” đối với các thông tin về hàng hoá.

- **Tiêu chuẩn hàng hóa:**

+ **Chất lượng mới 100%**, chưa qua sử dụng, sản xuất năm 2025. Hàng hóa phải có tem đảm bảo chất lượng của nhà sản xuất, nhà phân phối và ghi hạn sử dụng, nguyên vẹn sản phẩm.

+ Hàng hóa có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng và nhà thầu cam kết có Giấy chứng nhận xuất xứ CO, Giấy chứng nhận chất lượng CQ (nếu hàng hoá nhập khẩu) và cung cấp các giấy tờ CO, CQ khi thực hiện hợp đồng.

+ Nhà thầu cam kết hàng hóa cung cấp cho gói thầu không vi phạm các quy định về sở hữu trí tuệ, sở hữu nhãn mác của Việt Nam và quốc tế.

+ Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình sản xuất các vật tư và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalô (nếu có) quy định tại Chương V chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn hiệu hàng hóa, catalô khác miễn là nhà thầu chứng minh cho Chủ đầu tư thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu quy định tại Chương V.

- **Yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm, thay thế:**

+ Nhà thầu có thuyết minh, cung cấp hàng hóa để thực hiện công tác kiểm tra,

thử nghiệm hàng hóa đáp ứng các yêu cầu về kiểm tra, thử nghiệm.

+ Nhà thầu có thuyết minh hàng hoá thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ thời gian hàng hoá có hiệu lực bảo hành, cam kết sẵn sàng cung cấp 5% hàng hóa dự phòng trên tổng số lượng hàng hóa để thực hiện ngay công tác đổi hàng khi phát hiện các hàng hóa lỗi cần thay thế. Nhà thầu đề xuất thời gian và cam kết sẵn sàng có nhân sự thực hiện các công việc sửa chữa, thay thế hàng hóa. Đối với các hàng hoá do Nhà thầu sửa chữa và thay thế, thời hạn bảo hành cho các hàng hoá này được tính từ ngày kết thúc việc sửa chữa, thay thế.

- Yêu cầu đóng gói: Nhà thầu có thuyết minh việc in ấn, đóng gói hàng hóa theo đúng yêu cầu kỹ thuật. Đóng gói hàng hóa để tránh hư hỏng trong quá trình chuyên chở hàng hoá tới nơi nhận cuối cùng như đã quy định trong hợp đồng. Việc đóng gói phải đảm bảo để chịu đựng không giới hạn việc va chạm trong khi bốc dỡ chuyên tải và khi hàng hoá bị phơi dưới nhiệt độ cao, có muối mặn, mưa và tại bãi cất giữ ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến tình trạng xa xôi của điểm đến cuối cùng và sự thiếu các phương tiện chuyên tải ở mọi điểm trong khi chuyên tải. Nhà thầu chịu trách nhiệm về in ấn bao bì, logo (nếu có) và chịu trách nhiệm về pháp lý bản quyền, chi phí đối với nhà sản xuất hàng hóa.

- Yêu cầu vận chuyển:

+ Nhà thầu có thuyết minh đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển và lưu trữ. Trong quá trình vận chuyển phải đảm bảo hàng hóa còn mới 100%, nguyên vẹn bao bì, không trầy xước khi giao hàng.

+ Nhà thầu thuyết minh khả năng tự vận tải hàng hoá hoặc có hợp đồng nguyên tắc với đơn vị vận tải hàng hoá (tài liệu kèm theo)

b) Yêu cầu về kỹ thuật cụ thể:

- Các thông số kỹ thuật được mô tả dưới hình thức bảng biểu dưới đây. Mục đích của phần Thông số kỹ thuật là xác định các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan theo yêu cầu của gói thầu.

- Nhà thầu phải cung cấp các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa chính mà nhà thầu đã kê khai đáp ứng các yêu cầu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn quy định tại Chương V. Các tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa là: Hồ sơ hoặc giấy tờ hoặc bản vẽ hoặc số liệu hoặc catalô của nhà sản xuất được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa so với các yêu cầu của E-HSMT đối với các hàng hoá chính.

- Một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V. Trường hợp nhà thầu kê khai không đúng so với tài liệu chứng minh của nhà sản xuất, E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là Bỏ sót nội dung.

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa/dịch vụ liên quan	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Bộ hộp nhựa	<p>I. Hộp đựng thực phẩm khô</p> <ol style="list-style-type: none"> Thành phần: Thân hộp bằng nhựa SAN nguyên sinh. Nắp hộp bằng nhựa LDPE đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm Màu sắc: Thân hộp trong suốt, đều, bóng mịn. Nắp màu xanh Nắp hộp kín khí, dễ đóng mở. Nắp dùng chung nhau cho các hộp đều được. Các hộp được thiết kế hình chữ nhật, xếp chồng với nhau thành khối giúp tiết kiệm không gian diện tích ở trong tủ lạnh hoặc tủ bếp. Đáy hộp có thể gắn khớp với nắp hộp khác tạo thành khối. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Không có thời hạn Số lượng: 7 hộp Thông số kỹ thuật: <ul style="list-style-type: none"> Hộp 400ml: kích thước 110x85x72mm (± 2mm) Hộp 600ml: kích thước 110x85x107mm(± 2mm) Hộp 900ml: kích thước 110x85x141mm (± 2mm) Hộp 1400ml: kích thước 110x85x224mm (± 2mm) Độ dày hộp: 2,2mm - 2,4mm Trọng lượng: 985gr (± 10gr) Yêu cầu về an toàn vệ sinh thực phẩm Sản phẩm đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm: <ul style="list-style-type: none"> - QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm - Các thông số, hàm lượng sau được thử nghiệm với kết quả Không phát hiện: <ul style="list-style-type: none"> * Phần thân hộp <ul style="list-style-type: none"> + Lượng KMnO₄ sử dụng nước ở 60°C trong 30 phút + Cadimi (Cd)/ Cadmium(Cd) + Chì (Pb)/ lead (Pb) + Kim loại nặng(thôi nhiễm trong axit acetic 4% ở 60°C trong 30 phút * Phần nắp hộp <ul style="list-style-type: none"> + Lượng KmnO₄ ngâm thôi trong nước ở 60°C sau 30 phút + Cặn khô thôi nhiễm ngâm trong nước ở 60°C trong 30 phút + Cặn khô ngâm trong axit acetic 4% ở 60°C sau 30 phút + Cặn khô ngâm trong n-heptan ở 25°C sau 60 phút + Cadimi(Cd)/ cadmium(Cd)

- + Chì (Pb)/ lead (Pb)
- + Kim loại nặng(thôi nhiễm trong axit acetic 4% ở 60°C trong 30 phút

II. Bộ cốc nhựa

1. Thành phần: Được sản xuất từ nhựa SAN nguyên sinh dùng cho thực phẩm, có 2 màu
2. Thân trong, đế cốc có họa tiết hoa văn tạo hiệu ứng màu sắc
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Không có thời hạn
4. Số lượng: 6 chiếc
5. Thông số kỹ thuật:

- Kích thước cốc: 90x77mm (± 2 mm)
- Dung tích cốc: 250ml (± 20 ml)
- Trọng lượng: 59gr (± 5 gr)/ 1 cốc

6. Yêu cầu về an toàn vệ sinh thực phẩm

Sản phẩm đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm sau:

- QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm

- Các thông số, hàm lượng sau được thử nghiệm với kết quả Không phát hiện:

+ Lượng KmnO₄ ngâm thôi trong nước ở 60°Csau 30 phút

+ Cadimi(Cd)/ cadmium(Cd)

+ Chì (Pb)/ Lead (Pb)

+ Kim loại nặng(thôi nhiễm trong axit acetic 4% ở 60°C trong 30 phút

III. Hộp nhựa đựng thực phẩm bảo quản ngăn mát, ngăn đông

1. Thành phần: Thân hộp bằng nhựa PP (polypropylen) nguyên sinh. Nắp hộp bằng nhựa LDPE, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm

2. Bốn góc hộp được bo nhám, dày dặn, chắc chắn

3. Nắp hộp kín khí, hạn chế rò rỉ, dễ đóng mở.

4. Các hộp được xếp lồng với nhau giúp tiết kiệm không gian diện tích lưu trữ

5. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Không có thời hạn

6. Số lượng: 5 hộp

7. Thông số kỹ thuật:

- Hộp 240ml: kích thước 130x95x35mm (± 2 mm)

- Hộp 500ml: kích thước 155x115x45mm(± 2 mm)

- Hộp 900ml: kích thước 187x140x62mm (± 2 mm)

- Hộp 2000ml: kích thước 225x170x75mm (± 2 mm)

- Hộp 3500ml: kích thước 263x197x85mm (± 2 mm)

Trọng lượng: 783gr (± 10 gr)

8. Yêu cầu về an toàn vệ sinh thực phẩm

		<p>Sản phẩm đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm - Các thông số, hàm lượng sau được thử nghiệm với kết quả Không phát hiện: <ul style="list-style-type: none"> + Cadimi(Cd)/ cadmium(Cd) + Chì (Pb)/ lead (Pb) + Kim loại nặng(thôi nhiễm trong axit acetic 4% ở 60°C trong 30 phút + Lượng KmnO4 ngâm thôi trong nước ở 60°C sau 30 phút + Cặn khô thôi nhiễm ngâm trong nước ở 60°C trong 30 phút +Cặn khô ngâm trong axit acetic 4% ở 60°C sau 30 phút +Cặn khô ngâm trong etanol 20% ở 60°C sau 30 phút + Cặn khô ngâm trong n-heptan ở 25°C sau 60 phút <p>IV. Thớt nhựa kháng khuẩn Ion bạc</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thớt chống trượt 2. Thành phần: Mặt thớt bằng nhựa PP, phần viền bằng nhựa TPE 3. Có lớp gỗ lót bên trong. Lõi gỗ giúp sản phẩm thêm bền cứng, chắc chắn 4. Số lượng: 1 thớt 5. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Không có thời hạn 6. Thông số kỹ thuật: Size L:35x 22 x 1,5cm (± 2mm) Trọng lượng: 746gr (± 10gr) 7. Yêu cầu về an toàn vệ sinh thực phẩm <p>Sản phẩm đáp ứng các yêu cầu về an toàn thực phẩm sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - QCVN 12-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm - Các thông số, hàm lượng sau được thử nghiệm với kết quả Không phát hiện: <ul style="list-style-type: none"> + Chì (Pb)/ lead (Pb) + Cadimi (Cd)/ cadmium(Cd) + Kim loại nặng (thôi nhiễm trong axit acetic 4% ở 60°C trong 30 phút) + Lượng KMnO4 (ngâm trong nước ở 60°C sau 30 phút) + Cặn khô thôi nhiễm ngâm trong n-heptan ở 25°C sau 60 phút + Cặn khô ngâm trong etanol 20% ở 60°C sau 30 phút + Cặn khô ngâm trong nước ở 60°C trong 30 phút + Cặn khô ngâm trong axit acetic 4% ở 60°C sau 30 phút
2	Bộ khăn cao cấp	<ol style="list-style-type: none"> 1. Bộ Khăn bao gồm 2 khăn tay và 2 khăn tắm 2. Kích thước

- Khăn Tắm: 60*120*350g (sai số chênh lệch ± 5%)
 - Khăn tay: 34*75*120g (sai số chênh lệch ± 5%)
 - Viền khăn 1cm
4. Chất liệu Khăn được làm từ sợi tre và sợi cotton. Trong đó sợi cotton đóng vai trò sợi nền, bề mặt sợi tinh, tẩy cao cấp. Sợi được xử lý chải kỹ giúp bề mặt khăn mềm mại và tránh bị xơ và xù lông.
- * Tỷ lệ sợi :
- Sợi tre : 70%
 - Cotton : 30%
5. Màu sắc: Khăn màu kem
6. Tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng
- TCVN 1754:1986: Xác định độ bền kéo đứt
 - EN 16711-2:2015: Xác định hàm lượng kim loại
 - TCVN 13209:2020: Thời gian hấp thụ nước
 - TCVN 7421-1:2013 (ISO 14184 - 1:2011) : Kiểm tra hóa chất tồn dư trong vải
 - TCVN 12512-1:2018: Phương pháp đo phổ hấp thụ UV
7. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì
Hộp giấy song bồi in màu CMYK cài đáy có quai xách. Mặt trước hộp thiết kế cửa sổ để dễ dàng quan sát sản phẩm
8. Kiểm nghiệm đối với sợi tre
- Độ bền hương pháp thử: TCVN 1754:1986

STT	Chỉ tiêu		Yêu cầu
1	Độ bền kéo đứt	Dọc (N)	556
		Ngang (N)	349

- Thời gian hấp thụ nước: Tham khảo TCVN 13209:2020

TT	Chỉ tiêu		Yêu cầu
1	Thời gian hấp thụ nước (s)	300ml	5 (Mẫu hấp thụ hết 300ml nhưng mẫu chưa ướt hoàn toàn)
		1000 ml	20 (Mẫu ướt hoàn toàn nhưng chưa hấp thụ hết 1000ml)

- Tiêu chuẩn kỹ thuật về an toàn

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Yêu cầu	Phương pháp thử
-----	----------	--------	---------	-----------------

1	Hàm lượng Formaldehyt */Formaldehyde	mg/kg	KPH (LOD = 5)	TCVN 7421-1:2013 (ISO 14184-1:2011)
2	Hàm lượng các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm Azo*/Determination of aromatic amines derived from azo colorants	mg/kg	KPH (LOD = 3)	TCVN 12512-1:2018 (ISO 14362-1:2017)

- Hàm lượng kim loại nặng: (EN 16711-2:2015)

TT	Chỉ tiêu	Giới hạn của phương pháp thử(MDL)	Yêu cầu
1	Asen (As)	0,05	Không phát hiện
2	Cadimi (Cd)	0,1	Không phát hiện
3	Chì (Pb)	0,2	Không phát hiện
4	Thủy ngân (Hg)	0,01	Không phát hiện
5	Antimon (Sb)	0,1	Không phát hiện
6	Đồng (Cu)	0,2	Không phát hiện
7	Crom (Cr)	0,2	Không phát hiện
8	Coban (Co)	0,2	Không phát hiện
9	Niken (Ni)	0,2	Không phát hiện

9. Kiểm nghiệm đối với sợi cotton.

- Độ bền

Phương pháp thử: TCVN 1754:1986 (Phương pháp băng vải)

STT	Chỉ tiêu		Yêu cầu
1	Độ bền kéo đứt	Dọc (N)	572
		Ngang (N)	442

<ul style="list-style-type: none"> Thời gian hấp thụ nước: Tham khảo TCVN 13209:2020 				
TT	Chỉ tiêu		Yêu cầu	
1	Thời gian hấp thụ nước (s)	300ml	5 (Mẫu hấp thụ hết 300ml nhưng mẫu chưa ước hoàn toàn)	
		1000ml	17 (Mẫu ước hoàn toàn nhưng chưa hấp thụ hết 1000ml)	
<ul style="list-style-type: none"> Tiêu chuẩn kỹ thuật về an toàn 				
T	Chỉ tiêu	Đơn vị	Yêu cầu	Phương pháp thử
1	Hàm lượng Formaldehyt */Formaldehyde	mg/kg	KPH (LO D = 5)	TCVN 7421-1:2013 (ISO 14184-1:2011)
2	Hàm lượng các amin thơm chuyển hóa từ thuốc nhuộm Azo*/Determination of aromatic amines derived from azo colorants	mg/kg	KPH (LO D = 3)	TCVN 12512-1:2018 (ISO 14362-1:2017)
<ul style="list-style-type: none"> Hàm lượng kim loại nặng: (EN 16711-2:2015) 				
STT	Chỉ tiêu	Giới hạn của phương pháp thử	Yêu cầu	
1	Asen (As)	0,05	Không phát hiện	
2	Cadimi (Cd)	0,1	Không phát hiện	
3	Chì (Pb)	0,2	Không phát hiện	
4	Thủy ngân (Hg)	0,01	Không phát hiện	
5	Antimon (Sb)	0,1	Không phát hiện	
6	Đồng (Cu)	0,2	Không phát hiện	
7	Crom (Cr)	0,2	Không phát hiện	
8	Coban (Co)	0,2	Không phát hiện	
9	Niken (Ni)	0,2	Không phát hiện	

1.3. Các yêu cầu khác

- Phương thức thanh toán:

+ Nhà thầu sẽ được thanh toán 100% giá trị hợp đồng sau khi bàn giao toàn bộ hàng hóa, các bên nghiệm thu, xuất hóa đơn, thanh lý hợp đồng theo quy định.

+ Chủ đầu tư sẽ giữ lại tối đa 3% giá trị hợp đồng để thực hiện công tác bảo hành hàng hóa (giữ lại một phần giá trị của hợp đồng hoặc nộp dưới dạng một bảo lãnh của ngân hàng), cho đến khi kết thúc thời gian bảo hành của hàng hóa.

- Tài chính:

+ Chi phí dự thầu của nhà thầu đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) theo quy định hiện hành tại thời điểm phát hành mời thầu; các chi phí vận chuyển, bốc dỡ, giao hàng, thiết kế in ấn (nếu có), dự phòng.

+ Nhà thầu có đề xuất cụ thể giá trị % thuế VAT của từng hàng hoá. Mức thuế suất giá trị gia tăng đối với các loại hàng hoá của các nhà thầu khi dự thầu được áp dụng chung với mức thuế suất giá trị gia tăng lập giá gói thầu. Việc xác định mức thuế VAT nhà thầu phải nộp khi thực hiện hợp đồng sẽ được xác định tại thời điểm nghiệm thu khối lượng công việc, bàn giao hàng hóa, căn cứ theo loại hình doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân... và được điều chỉnh khi có sự thay đổi về thuế VAT theo quy định.

- Cung cấp lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu: Nhà thầu các nội dung thuyết minh về lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu phù hợp với hàng hóa và quy định.

- Bảo hành: Nhà thầu có thuyết minh đề xuất kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành đối với từng hàng hóa. Thời gian bảo hành của hàng hóa tối thiểu 6 tháng và theo công bố của nhà sản xuất (áp dụng điều kiện cao hơn). Nhà thầu cam kết sẵn sàng có nhân sự thực hiện các công việc bảo hành trong thời gian 01 ngày kể từ ngày nhận được thông báo.

- Giao hàng:

+ Tại mỗi điểm nhà thầu giao hàng đến từng xưởng mà Chủ đầu tư chỉ định. Nhân viên giao hàng phải chuẩn bị đủ vật tư an toàn cần thiết như bình cứu hoả, áo bảo hộ có phản quang, đi giày, đeo khẩu trang, đảm bảo không có nồng độ cồn khi tham gia phát quà. Nhân sự tham gia phát quà phải có đầy đủ CCCD, đủ điều kiện an toàn lao động khi ra vào nhà máy khu công nghiệp, đủ sức khỏe và không mắc bệnh truyền nhiễm, giấy giới thiệu của công ty, số điện thoại, họ & tên.

+ Hàng hóa khi đến các đơn vị sử dụng phải được đóng thành phẩm bộ quà trước khi giao hàng. Khi phát tới tay người lao động về hình thức phải đẹp, ngay ngắn, không bị rách, hỏng.

+ Nhà thầu cam kết kiểm tra lại trước khi giao hàng để hàng hóa không bị thiếu, lỗi, hỏng....

- Khối lượng tăng giảm: Nhà thầu có cam kết sẽ cung cấp đầy đủ hàng hóa trong phạm vi tăng 10% khi có yêu cầu của Chủ đầu tư khi ký và thực hiện hợp đồng, cam kết cắt giảm hàng hóa trong phạm vi 10% khi có yêu cầu của Chủ đầu tư.

Mục 2. Bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

Nhà thầu có thuyết minh, cam kết và thực hiện các nội dung sau:

- Kiểm tra, thử nghiệm, nghiệm thu 01 mẫu hàng hóa: Nhà thầu nộp đến Chủ đầu tư trong giai đoạn tham dự thầu hoặc nộp bổ sung trong thời gian 05 ngày làm việc sau thời điểm đóng thầu hoặc được nộp khi Chủ đầu tư có yêu cầu tại thời điểm đánh giá, đối chiếu tài liệu (nếu có văn bản yêu cầu) hoặc nộp đến Chủ đầu tư khi hoàn thiện hợp đồng (nếu có văn bản yêu cầu). Hàng hóa có thể do Chủ đầu tư hoặc Tổ chuyên gia hoặc đơn vị thử nghiệm độc lập có chức năng thực hiện.

- Thử nghiệm: Căn cứ quy trình thử nghiệm được duyệt, nhà thầu cùng tư vấn giám sát (nếu có) thực hiện thử nghiệm, các giá trị thu được là một phần của công tác nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng.

- Chủ đầu tư có quyền kiểm tra, thử nghiệm hàng hóa được cung cấp tại nơi bàn giao để khẳng định hàng hóa đó có đặc tính kỹ thuật phù hợp với yêu cầu của hợp đồng.

- Bất kỳ hàng hóa nào qua kiểm tra, thử nghiệm mà không phù hợp với đặc tính kỹ thuật theo hợp đồng thì Chủ đầu tư có quyền từ chối và Nhà thầu phải có trách nhiệm thay thế bằng hàng hóa khác hoặc tiến hành những điều chỉnh cần thiết để đáp ứng đúng các yêu cầu về đặc tính kỹ thuật trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo. Trường hợp Nhà thầu không có khả năng thay thế hay điều chỉnh các hàng hóa không phù hợp, Chủ đầu tư có quyền từ chối hàng hóa đó do không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật Chương V, mọi rủi ro và chi phí liên quan do Nhà thầu chịu. Các hàng hóa đáp ứng kiểm tra, thử nghiệm sẽ là một phần của số lượng hàng hóa được bàn giao theo hợp đồng mua bán.

- Kiểm tra, thử nghiệm các nội dung đã hoàn thiện: được thực hiện khi đã cung cấp hoàn chỉnh và được thực hiện tại nơi bàn giao. Nhà thầu chịu tất cả chi phí có liên quan đến thực hiện thử nghiệm nghiệm thu, các thử nghiệm phục vụ nghiệm thu, vận hành và các công việc có liên quan đến công tác nghiệm thu.